TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 134/2024/HSPT
Ngày: 19/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng;

Các thẩm phán: Ông Võ Hồng Sơn;
Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Hải - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 thông 02 năm 2024, tại trụ sở, Tũa ỏn nhõn dõn cấp cao tại Hà Nội mở phiờn tũa xột xử phỳc thẩm cụng khai vụ ỏn hỡnh sự thụ lý số 1349/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023, đối với bị cỏo Lê Văn T và đồng phạm bị xột xử về tội "Tổ chức đỏnh bạc", do cú khỏng cỏo của cỏc bị cỏo đối với Bản ỏn hỡnh sự sơ thẩm số 220/2023/HS-ST ngày 29 thỏng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phũng.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Lê Văn T, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1970 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông Lê Đình L và bà Vũ Thị T1; có vợ là Cù Thị L1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2022 đến ngày 16/12/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt);

2. Cù Thị L1, sinh ngày 04 tháng 4 năm 1973 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Cù Huy T2 và bà Lê Thị N; có chồng là Lê Văn T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 07/12/2022 đến ngày 16/12/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, (có mặt);

3. Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1968 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn D, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nữ; tôn giáo:

Không; con ông Nguyễn Đình V và bà Nguyễn Thị P (đều đã chết); có chồng là Vũ Đình T3 (đã chết) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18/9/2018 UBND huyện T ra quyết định xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc (đã được xóa); bị tạm giữ từ ngày 07/12/2022, đến ngày 16/12/2022 thay đổi biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú, (có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo: Cù Đăng T4, Vũ Thị L2, Trịnh Đình D, Nguyễn Thị L3, Đinh Thị N1 *và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chị* Nguyễn Thị Ánh M, *chị* Nguyễn Thị L4, *anh* Nguyễn Văn Q *không có kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 07/12/2022, các tổ công tác thuộc Phòng C4 - Công an thành phố H (PC02) kết hợp cùng Công an các xã L, G, L huyện T, thành phố Hải Phòng phát hiện, bắt quả tang một số đối tượng đang thực hiện hành vi bán số lô, đề tại 06 địa điểm trên địa bàn xã L, G, L huyện T, Hải Phòng. Cụ thể:

Tại địa chỉ nhà của Lê Văn T tại thôn D, xã L bắt quả tang vợ chồng Lê Văn T, Cù Thị L1 đang có hành vi nhận các bảng lô, đề của Nguyễn Thị Đ, Vũ Thị L5, Cù Đăng T4, Lê Văn N2, sinh năm 1955, trú tại thôn G, xã L, huyện T, Hải Phòng và Cù Thị R, sinh năm 1978, trú tại thôn D, xã L, huyện T, Hải Phòng. Thu giữ 06 bảng đề ngày 07/12/2022 trong đó 01 bảng đề của Nguyễn Thị Đ với số tiền tương ứng là 21.540.000 đồng; 01 bảng đề của Vũ Thị L5 với số tiền tương ứng là 6.651.000 đồng; 01 bảng đề của Cù Đăng T4 với số tiền tương ứng là 10.305.000 đồng; 01 bảng đề của Cù Thị R với số tiền tương ứng là 444.000 đồng; 01 bảng đề của Lê Văn N2 với số tiền tương ứng 575.000 là đồng; 01 bảng đề của Cù Thị L1 viết khi nhận qua điện thoại từ bà Lê Thị N3, sinh năm 1971, trú tại: thôn P, xã L với số tiền tương ứng là 2.075.000 đồng. Ngoài ra, còn thu giữ của Lê Văn T: 01 Ipad, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; thu giữ của Cù Thị L1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; thu giữ của Nguyễn Thị Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo; thu giữ của Cù Đăng T4 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung; thu giữ của Cù Thị R 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobell.

Tại địa chỉ nhà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 ở thôn B, xã L, huyện T, Hải Phòng kiểm tra, phát hiện Nguyễn Thị H đang có hành vi bán số lô, đề cho khách. Thu giữ 01 bảng lô, đề ngày 07/12/2022 với tổng số tiền tương ứng là 4.380.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo.

Tại nhà của Nguyễn Văn Q, sinh năm 1984, ở thôn I, xã L, huyện T kiểm tra, phát hiện Nguyễn Văn Q đang có hành vi bán số lô, đề cho khách. Thu giữ 01 bảng lô, đề ngày 07/12/2022 với tổng số tiền tương ứng là: 1.990.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và số tiền 1.990.000 đồng.

Tại nhà của Nguyễn Hữu H1, sinh năm 1971, ở thôn I, xã L, huyện T kiểm tra, phát hiện Nguyễn Hữu H1 đang có hành vi bán số lô, đề cho khách. Thu giữ 01

bảng lô, đề ngày 07/12/2022 với tổng số tiền tương ứng là 4.330.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung.

Tại nhà của Nguyễn Thị Ánh M, sinh năm 1988, ở thôn C, xã G, huyện T kiểm tra, phát hiện M đang có hành vi bán số lô, đề cho khách. Thu giữ 01 bảng lô, đề ngày 07/12/2022 với tổng số tiền tương ứng là 450.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và số tiền 450.000 đồng.

Tại nhà của Nguyễn Thị L4, sinh năm 1991, ở thôn C, xã G, huyện T kiểm tra, phát hiện L4 đang có hành vi bán số lô, đề cho khách. Thu giữ 01 bảng lô, đề ngày 07/12/2022 với tổng số tiền tương ứng là: 1.350.000 đồng, 01 quyển sổ, 01 tập tích kê, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và số tiền 1.350.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định về dữ liệu số 144 ngày 16/3/2023 của Phòng C4 Công an thành phố H kết luận:

Đối với 01 máy tính bảng thu của Lê Văn T phát hiện những cuộc hội thoại trên ứng dụng Zalo có liên quan đến việc mua bán lô, đề; 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu của Nguyễn Thị L4 và Nguyễn Văn Q có những nội dung liên quan đến việc mua, bán lô đề.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn T, Cù Thị L1 khai: Khoảng cuối năm 2017, Lê Văn T cùng vợ là Cù Thị L1 tổ chức nhận các bảng số lô, số đề trên địa bàn các xã L, L, L, Gia M1, G thuộc huyện T, thành phố Hải Phòng nhằm thắng, thua bằng tiền với những người mua lô, đề thông qua những người bán thuê. Kết quả thắng, thua dựa vào kết quả xổ số kiến thiết Miền B mở thưởng hàng ngày. Lợi nhuận của những người bán đề thuê được vợ chồng T trực tiếp chi trả theo phần trăm tổng số tiền lô, đề đã bán cụ thể: 15% đối với số "đề, bao xiên, ba càng", 5% đối với số "bao thường".

Khoảng 18 giờ hàng ngày T và L1 ở nhà để nhận các bảng lô, đề của những người bán thuê cụ thể: Thăng sử dụng 01 máy tính bảng để nhận các bảng lô, đề qua tài khoản Zalo "C" đăng ký theo số điện thoại: 0332181688; còn L1 nhận một số bảng lô, đề của những người bán thuê chuyển bảng trực tiếp và người bán thuê gọi điện đến số điện thoại 0332181688 của L1. Sau đó, vợ chồng T viết những bảng lô đề nhận được ra giấy để tổng hợp lại, số tiền thắng thua của khách và tiền hoa hồng được thanh toán trực tiếp vào chiều ngày hôm sau. Căn cứ vào kết quả xổ số kiến thiết Miền B, tỷ lệ trả thưởng cho người chơi tương ứng với số tiền khách đánh như sau: đối với số đề gấp 80 lần; đối với số ba càng gấp 400 lần; đối với số Xiên 2, X, Xiên 4 gấp lần lượt là 14, 48, 180 lần; đối với số lô (bao) gấp 3,4 lần.

Ngày 07/12/2022, T và L1 đã nhận được các bảng lô, đề cụ thể như sau:

+ Nhận trực tiếp: 05 bảng số lô, đề do người bán thuê trực tiếp chuyển đến với tổng số tiền là 39.515.000 đồng bao gồm: 01 bảng lô, đề của Nguyễn Thị Đ với tổng số tiền là 21.540.000 đồng; 01 bảng của Vũ Thị L5 với tổng số tiền là 6.651.000 đồng; 01 bảng của Cù Đăng T4 tổng số tiền là 10.305.000 đồng; 01

bảng của Lê Văn N2 với tổng số tiền 575.000 đồng; 01 bảng của Cù Thị R tương ứng 444.000 đồng.

+ Nhận qua ứng dụng zalo: 42 bảng số lô, đề do người người bán thuê chuyển với tổng số tiền là 94.888.000 đồng gồm: 01 bảng lô, đề của Nguyễn Thị L3 với tổng số tiền là 6.430.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Đinh Thị N1 với tổng số tiền là 5.290.000 đồng; 01 bảng lô đề của Trịnh Đình D với tổng số tiền 6.280.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Lê Đình T5, sinh năm 1973, trú tại: thôn D, xã L với tổng số tiền là 1.100.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Hoàng Thị D1, sinh năm 1969, trú tại: thôn T, xã G với tổng số tiền là 420.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Trần Thị H2, sinh năm 1973, trú tại: thôn A, xã L với tổng số tiền là 4.189.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Lê Thị T6, sinh năm 1963, trú tại: thôn A, xã L với tổng số tiền là 1.080.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Cao Văn K, sinh năm 1983, trú tại: thôn D, xã L với tổng số tiền là 1.990.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Lê Văn N4, sinh năm 1977, trú tại: thôn A, xã L với tổng số tiền là 4.410.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Đoàn Thị C1, sinh năm 1985, trú tại: thôn B, xã L với tổng số tiền là 2.630.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Trần Văn T7, sinh năm 1984, trú tại: thôn P, xã L với tổng số tiền là 3.100.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Nguyễn Thị L6, sinh năm 1996, trú tại: thôn H, xã L với tổng số tiền là 3.080.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Đào Thị H3, sinh năm 1974, trú tại: thôn P, xã L với tổng số tiền là 1.120.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Phạm Thị T8, sinh năm 1986, trú tại: thôn B, xã G với tổng số tiền là 200.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Phạm Văn C2, sinh năm 1953, trú tại: thôn L, xã L với tổng số tiền là 1.095.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Lê Văn T9, sinh năm 1983, trú tại: thôn F, xã L với tổng số tiền là 2.797.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Trần Thị L7, sinh năm 1960, trú tại: thôn L, xã L với tổng số tiền là 790.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Nguyễn Thị Thanh Đ1, sinh năm 1981, trú tại: thôn B, xã L với tổng số tiền là 2.428.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Phùng Văn K1, sinh năm 1965, trú tại: thôn A, xã L với tổng số tiền là 2.890.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Nguyễn Đức S, sinh năm 1964, trú tại: thôn B, xã G với tổng số tiền là 3.617.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Đoàn Hữu C3, sinh năm 1965, trú tại: thôn B, xã L với tổng số tiền là 3.965.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Nguyễn Thị Mai L8, sinh năm 1991, trú tại: thôn C, xã L tương ứng 2.300.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Lê Văn T10, sinh năm 1978, trú tại: thôn A, xã L với tổng số tiền là 2.235.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Nguyễn Thị Thúy N5, sinh năm 1988, trú tại: thôn G, xã L với tổng số tiền là 450.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Vũ Thị N6, sinh năm 1993, trú tại: thôn T, xã G với tổng số tiền là 920.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Nguyễn Thị H4, sinh năm 1975, trú tại: thôn P, xã L với tổng số tiền là 2.515.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Nguyễn Đắc T11, sinh năm 1980, trú tại: thôn C, xã L với tổng số tiền là 760.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Vũ Thị D2, sinh năm 1982, trú tại: thôn I, xã L với tổng số tiền là 2.335.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Nguyễn Hoàng B1, sinh năm 1967, trú tại: thôn T, xã G với tổng số tiền là 1.620.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Trần Thị L9, sinh năm 1987, trú tại: thôn B, xã G với tổng số tiền là 2.070.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Lê Văn H5, sinh năm 1960, trú tại: thôn I, xã L với tổng số tiền là 945.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Trần Thị X, sinh năm 1950, trú tại: thôn L, xã L với tổng số tiền là 1.871.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Đào Thị T12, sinh năm 1972, trú tại: thôn L, xã L với tổng số tiền là 980.000

đồng; 01 bảng lô, đề của Nguyễn Thị Ánh M với tổng số tiền là 450.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Nguyễn Thị L4 tương ứng 1.450.000 đồng; 01 bảng lô, đề của Nguyễn Văn Q tương ứng 1.990.000 đồng. Đồng thời T và L1 còn nhận 06 bảng bao, đề do người chưa rõ căn cước lai lịch chuyển đến với tổng số tiền là 17.301.000 đồng.

+ L1 nhận qua điện thoại 01 bảng số lô, đề của Lê Thị N3 với tổng số tiền 2.075.000 đồng.

Đối 02 bảng lô, đề của Nguyễn Văn H6 với tổng số tiền là 4.330.000 đồng và Nguyễn Thị H với tổng số tiền là 4.380.000 đồng, T và L1 chưa nhận được do ông H6, bà H chưa kịp chuyển cho T và L1 thì bị Cơ quan điều tra kiểm tra, phát hiện.

Như vậy, ngày 07/12/2022, Lê Văn T và Cù Thị L1 đã nhận được tổng số tiền lô, đề là 140.683.000 đồng. Nếu không bị bắt, T và L1 sẽ trả tiền hoa hồng cho người bán thuê là 14.362.450 đồng, trả thưởng cho người chơi là 85.020.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 41.300.550 đồng.

Ngoài ra, Lê Văn T và Cù Thị L1 còn nhận các bảng lô, đề do những người bán đề thuê chuyển đến Z, cụ thể:

+ Ngày 06/12/2022, T và L1 đã nhận 02 bảng lô, đề với tổng số tiền là 1.455.000 đồng bao gồm: 01 bảng của Nguyễn Thị Đ với tổng số tiền là 945.000 đồng và 01 bảng lô, đề của Nguyễn Văn Q với tổng số tiền là 510.000 đồng. Sau khi so sánh với kết quả xổ số kiến thiết Miền B thì số tiền khách trúng trong bảng đề của Đ là 2.400.000 đồng, nên số tiền Định và Q sử dụng để đánh bạc lần lượt là 3.345.000 đồng và 510.000 đồng; Đ hưởng lợi số tiền 141.750 đồng; Q hưởng lợi số tiền là 76.500 đồng. Như vậy, ngày 06/12/2022, tổng số tiền T và L1 tổ chức đánh bạc là 3.855.000 đồng, bị thua số tiền là 1.163.250 đồng.

+ Ngày 05/12/2022, T và L1 đã nhận 01 bảng lô, đề của Nguyễn Văn Q với tổng số tiền là 280.000 đồng. Sau khi so sánh với kết quả xổ số Miền B thì khách trúng số tiền là 4.000.000 đồng, nên số tiền Q sử dụng để đánh bạc là 4.280.000 đồng, Q hưởng lợi số tiền hoa hồng là 42.000 đồng. Như vậy, ngày 05/12/2022 tổng số tiền T và L1 tổ chức đánh bạc là 4.280.000 đồng, thua số tiền là 3.762.000 đồng.

+ Ngày 18/7/2022, 09/9/2022, 23/10/2022, 03/11/2022, 04/11/2022, 11/11/2022, 22/11/2022, 23/11/2022, 25/11/2022, T và L1 đã nhận tổng số 09 bảng số lô, đề của Nguyễn Thị L4 với tổng số tiền là 2.760.000 đồng. So sánh với kết quả xổ số Miền Bắc thì không có khách trúng thưởng. Như vậy, số tiền T và L1 tổ chức đánh bạc là 2.760.000 đồng, hưởng lợi số tiền là: 2.346.000 đồng; Nguyễn Thị L4 hưởng lợi số tiền hoa hồng là 414.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 18/7/2022 đến ngày 06/12/20222, T và L1 không được hưởng lợi từ việc nhận các bảng lô, đề thuê.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Đ khai nhận phù hợp với nội dung nêu trên. Đ khai: Đ bắt đầu bán lô, đề cho vợ chồng T, L1 được vài ngày trước khi bị bắt. Khoảng 6 giờ chiều hàng ngày, Đ sẽ chuyển trực tiếp hoặc qua Zalo các bảng lô, đề bán cho khách chuyển cho vợ chồng T và L1 hoặc chuyển qua Zalo.

Ngày 07/12/2022, Đ đã chuyển bảng lô, đề với tổng số tiền tương ứng là 21.540.000 đồng cho T và L1. Tổng số tiền Định sẽ được hưởng lợi trong ngày 07/12/2022, nếu không bị phát hiện là 1.231.000 đồng. Ngoài ra, ngày 06/12/2022, Đ còn chuyển cho T và L1 01 bảng lô, đề với tổng số tiền 945.000 đồng, được hưởng lợi 141.750 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Thị L5 khai nhận: ngày 07/12/2022, L5 chuyển trực tiếp cho vợ chồng T và L1 01 bảng lô, đề với tổng số tiền 6.651.000 đồng, nếu không bị phát hiện L5 sẽ được hưởng lợi số tiền 527.650 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Cù Đăng T4 khai nhận: ngày 07/12/2022, T4 chuyển trực tiếp cho vợ chồng T và L1 01 bảng lô, đề với tổng số tiền 10.305.000 đồng, nếu không bị phát hiện T4 sẽ được hưởng lợi số tiền 1.095.750 đồng.

Căn cứ vào lời khai của bị can T và L1, kết quả kiểm tra dữ liệu điện tử trong Ipad thu giữ của T và L1, Cơ quan điều tra đã triệu tập Trịnh Đình D, Nguyễn Thị L3, Đinh Thị N1.

Tại Cơ quan điều tra, Trịnh Đình D, Nguyễn Thị L3, Đinh Thị N1 khai nhận phù hợp với lời khai của T và L1. D, L3, N1 khai bản thân là những người được T và L1 thuê bán lô, đề và chuyển cho T và L1 qua Z để hưởng phần trăm hoa hồng.

Ngày 07/12/2022, D chuyển cho T và L1 01 bảng lô, đề với tổng số tiền 6.280.000 đồng, nếu không bị phát hiện D sẽ được hưởng lợi số tiền là 737.000 đồng; L3 chuyển cho T và L1 01 bảng lô, đề với tổng số tiền là 6.430.000 đồng, nếu không bị phát hiện Lựu sẽ được hưởng lợi số tiền là 594.500 đồng; N1 chuyển cho T và L1 01 bảng lô, đề với tổng số tiền là 5.290.000 đồng, nếu không bị phát hiện N1 sẽ được hưởng lợi số tiền 558.500 đồng. Toàn bộ bảng lô, đề và số tiền thu lợi bất chính, D, L3, N1 đều chưa thanh toán với T và L1.

Vật chứng vụ án: 01 máy tính bảng nhãn hiệu Ipad, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone của Lê Văn T; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone của Cù Thị L1; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo của Nguyễn Thị Đ; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung của Cù Đăng T4; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone, 01 quyển sổ, 01 tập tích kê của Nguyễn Thị L4; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone thu của Nguyễn Văn Q và số tiền 3.790.000 đồng thu của Q, L4, M chuyển Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng quản lý theo quy định.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung của Nguyễn Hữu H1; 01 điện thoại nhãn hiệu Mobell của Cù Thị R; 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo của Nguyễn Thị H; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone của Nguyễn Thị Ánh M đều là tài sản cá nhân, không sử dụng vào mục đích phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho H1, R, H, M để sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 141/CT-VKS-P2 ngày 20/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng đã truy tố các bị cáo Lê Văn Thăng, Cù Thị Loan, Nguyễn Thị Đ về tội Tổ chức đánh bạc được quy định tại tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự;

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 220/2023/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, quyết định:

- Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 (đối với bị cáo Lê Văn T và Cù Thị L1) Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt:

Bị cáo Lê Văn T 18 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ (từ ngày 07/12/2022 đến ngày 16/12/2022), bị cáo còn phải chấp hành 17 tháng 21 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn T 10.000.000 đồng.

Bị cáo Cù Thị L1 12 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ (từ ngày 07/12/2022 đến ngày 16/12/2022), bị cáo còn phải chấp hành 11 tháng 21 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo Cù Thị L1 10.000.000 đồng.

Bị cáo Nguyễn Thị Đ 09 tháng tù về tội Tổ chức đánh bạc. Trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ (từ ngày 07/12/2022 đến ngày 16/12/2022), bị cáo còn phải chấp hành 08 tháng 21 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về phần tội danh, hình phạt đối với các bị khác, tiền truy thu, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2023, các bị cáo Lê Văn T, Cù Thị L1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 10/10/2023, bị cáo Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Văn T trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm; bị cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo, với lý do: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, bị cáo thành khẩn khai báo, vợ chồng bị cáo hiện đang nuôi bố mẹ già, vợ bị cáo cũng là bị cáo trong vụ án này. Bản thân bị cáo làm hợp đồng cho Công ty xổ số huyện T, do hám lợi nên một phần chuyển cho xổ số và một phần bị cáo giữ lại.

- Bị cáo Cù Thị L1 trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm; bị cáo giữ kháng cáo xin hưởng án treo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, với lý do: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, bị cáo bán hàng tạp hóa và chỉ là người giúp cho chồng bị cáo (Lê Văn T), hiện nay bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì không có ai chăm sóc bố mẹ già, ốm, bệnh tật (có đơn xác nhận).

- Bị cáo Nguyễn Thị Đ trình bày thống nhất với nội dung của bản án sơ thẩm; bị cáo xin giảm hình phạt và hưởng án treo, với lý do: Bị cáo thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải, bị cáo chỉ là người làm thuê cho vợ chồng bị cáo T, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, chồng của bị cáo đã chết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T, Cù Thị L1, Nguyễn Thị Đ trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình và chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

+ Đối với bị cáo Lê Văn T có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, không có tình tiết tăng nặng, bố mẹ già ốm (có đơn xác nhận). Tuy nhiên, bị cáo là người có vai trò chính trong vụ án, nên không có căn cứ cho hưởng án treo mà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhưng có mức độ là thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

+ Đối với bị cáo Cù Thị L1 có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có tình tiết tăng nặng, là người giúp sức cho bị cáo T và cũng là vợ của bị cáo T, hiện nay bố mẹ của bị cáo già ốm cần người chăm sóc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo là thể hiện sự khoan hồng và nhân đạo của của Nhà nước.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ trước đây đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, đến nay đã được xóa, nhưng bị cáo không có ý thức cải tạo. Do đó, không có căn cứ cho bị cáo hưởng án treo. Tuy nhiên, bị cáo chỉ là người giúp sức (làm thuê) cho vợ chồng bị cáo T và với tính chất mức độ của hành vi phạm tội thì có căn cứ giảm cho bị cáo một phần hình phạt, nhưng có mức độ là thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

Căn cứ Điều 355 và Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo T, bị cáo Đ, chấp nhận kháng cáo của bị cáo L1; sửa bản án hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo T, L1, Định đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Lê Văn T, Cù Thị L1, Nguyễn Thị Đ trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên, Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự cũng như tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Lời khai của các bị cáo T, L1, Đ tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; lời khai các đối tượng khác trong vụ án; bản trích xuất dữ liệu điện tử thu giữ được, kết luận giám định cùng các tài liệu, vật chứng thu giữ được có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Lê Văn T và Cù Thị L1 đã cùng thực hiện hành vi thu nhận các bảng lô, đề của những người bán số lô, đề thuê cho mình trên địa bàn các xã L, L, L, Gia M1, G thuộc huyện T, thành phố Hải Phòng với mục đích thắng thua với những người mua lô, đề và đểhưởng lợi chung, cụ thể: Ngày 07/12/2022, T và L1 đã nhận các bảng lô, đề với tổng tiền 140.683.000 đồng, nếu không bị phát hiện T và L1 thu lợi bất chính là 41.300.550 đồng. Nguyễn Thị Đ có hành vi bán số lô, đề thuê cho T và L1 để hưởng phần trăm hoa hồng. Ngày 07/12/2022, Đ đã bán và chuyển cho T và L1 số lô, đề tương ứng là 21.540.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo T xác định bị cáo là người bán xổ số thuê cho xổ số huyện T, nên bị cáo giữ lại một phần.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Văn T, Cù Thị L1, Nguyễn Thị Đ đã phạm vào tội "Tổ chức đánh bạc" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự như xác định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xác định tội danh đối với các bị cáo Cù Đăng T4, Vũ Thị L5, Trịnh Đình D, Nguyễn Thị L3 và Đinh Thị N1.

[3] Hành vi của các bị cáo bị pháp luật cấm; xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, gây mất trật tự trị an xã hội và là nguyên nhân phát sinh ra các tội phạm khác. Do đó, cần phải xem xét xử lý nghiêm, nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T, L1, Đinh không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T, L1, Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Lê Văn T, Cù Thị L1 thuộc diện gia đình có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về vai trò: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn, bị cáo Lê Văn T là người khởi xướng, tổ chức nhận các bảng số lô, số đề. bị cáo Lê Văn T có vai trò cao nhất. Bị cáo L1 giúp T nhận các bảng số lô, số đề nên vai trò của bị cáo L1 thấp hơn bị cáo T. Bị cáo Nguyễn Thị Đ bán số lô, số đề thuê cho T và L1 để hưởng chênh lệch nên có vai trò thấp hơn T và L1.

[7] Với nhận định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo T, L1, Đ như quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[8] Xét kháng cáo của các bị cáo:

[8.1] Đối với kháng cáo của bị cáo Lê Văn T: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, không có tình tiết tăng nặng, bố mẹ già ốm (có đơn xác nhận). Tuy nhiên, bị cáo là người có vai trò chính trong vụ án, nên không có căn cứ cho hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhưng có mức độ là thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

+ Đối với kháng cáo của bị cáo Cù Thị L1: Bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, không có tình tiết tăng nặng, là người giúp sức cho bị cáo T và cũng là vợ của bị cáo T, hiện nay bố mẹ của bị cáo già ốm (có đơn xác nhận) cần có người chăm sóc. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo là thể hiện sự khoan hồng và nhân đạo của của Nhà nước.

+ Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Đ: Bị cáo đã bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, đến nay đã được xóa, nhưng bị cáo không có ý thức cải tạo, do đó không có căn cứ cho bị cáo hưởng án treo. Tuy nhiên, bị cáo chỉ là người giúp sức (làm thuê) cho vợ chồng bị cáo T và với tính chất mức độ của hành vi phạm tội thì có căn cứ giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhưng có mức độ là thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước.

Phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo và một phần kháng cáo, nên các bị cáo T, L1, Đ không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn T, Nguyễn Thị Đ; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Cù Thị L1, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 220/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Cù Thị L1 và Nguyễn Thị Đ phạm tội Tổ chức đánh bạc.

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1; khoản 2 (đối với bị cáo Lê Văn T và Cù Thị L1) Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 54 (đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ), Điều 38 (đối với bị cáo T và Đ); Điều 65 Bộ luật hình sự (đối với bị cáo L1); xử phạt:

1.1. Bị cáo Lê Văn T 15 tháng tù. Trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ (từ ngày 07/12/2022 đến ngày 16/12/2022). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

1.2. Bị cáo Cù Thị L1 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Cù Thị L1 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trong trường hợp bị cáo Cù Thị L1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

1.3. Bị cáo Nguyễn Thị Đ 06 tháng tù. Trừ cho bị cáo 09 ngày bị tạm giữ (từ ngày 07/12/2022 đến ngày 16/12/2022). Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Văn T, Cù Thị L1, Nguyễn Thị Đ không phải nộp

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Hưng

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hồng Sơn **Nguyễn Tiến Dũng** **Đặng Văn Hưng**